TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST Ngày: 31 - 07 - 2019. V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và bà Đỗ Thị Hồng Nhung.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1974.

HKTT: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Hiện trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1972.

HKTT: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Hiện trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử chị T trình bày:***

Chị T và anh L tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T cũ (nay là huyện T) vào ngày 05/01/1996, quyển số 01/1996.

Cuộc sống chung của vợ chồng do có nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là về vấn đề kinh tế, anh L là người không có trách nhiệm với gia đình không phụ giúp chị về mặt kinh tế và chăm sóc các con, anh L còn bị tác động nhiều của gia đình bên nội nên nhiều khi anh không tôn trọng chị T. Đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện với nhau để tìm ra biện pháp hòa giải nhưng sáu đó thì anh L cũng không thay đổi.

Năm 2016 chị T đã nộp đơn đến Tòa án Trảng Bom, sau đó chị lại rút đơn về để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Sự việc đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2018. Cho đến nay vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau, tình cảm của chị T dành cho anh L không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 06 con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1999; Nguyễn Minh N, sinh năm 2000; Nguyễn Hoàng Khôi N1, sinh ngày 07/11/2007; Nguyễn Hoàng Lan A, sinh ngày 23/8/2010 và Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 19/5/2012.

Hiện tại cả 06 con chung đang sống với chị T, 03 con chưa thành niên là Nguyễn Hoàng Khôi N1, Nguyễn Hoàng Lan A và Nguyễn Xuân Q. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cả 03 con chung chưa thành niên, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Đối với ba con chung là Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức Tr và Nguyễn Minh N đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử anh L trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thừa nhận anh và chị T tự nguyện đăng ký tại UBND xã B, huyện T (Cũ là huyện T) vào năm 1996.

Bên cạnh đó, anh L cũng thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có nhiều mâu thuẫn chủ yếu về vấn đề kinh tế, anh cũng không phụ giúp được chị T nhiều trong việc lo kinh tế gia đình và nuôi dạy các con. Tuy nhiên, do còn thương yêu vợ con, muốn gia đình hạnh phúc và anh là người có đạo nên anh L không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 06 con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1999; Nguyễn Minh N, sinh năm 2000; Nguyễn Hoàng Khôi N1, sinh ngày 07/11/2007; Nguyễn Hoàng Lan A, sinh ngày 23/8/2010 và Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 19/5/2012.

Trường hợp ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi ba con chung chưa thành niên là Nguyễn Hoàng Khôi N, Nguyễn Hoàng Lan A và Nguyễn Xuân Q.

Đối với ba con chung là Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức Tr và Nguyễn Minh N đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L;

Về con chung giao 03 con chung là Nguyễn Hoàng Khôi N1, sinh ngày 07/11/2007, Nguyễn Hoàng Lan A, sinh ngày 23/8/2010 và Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 19/5/2012. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T, anh L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T, anh L khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:** Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của chị với anh Nguyễn Văn L và yêu cầu về nuôi con chung, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2001, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 9 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2001 nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T thì thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L đã xảy ra trong thời gian dài. Nguyên nhân do tính tình không hợp bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc

phạm nhau. Anh L không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, dẫn đến cuộc sống chung của chị T và anh L đã không còn hạnh phúc từ năm 2018 (được thể hiện trong các biên bản làm việc đối chất, hòa giải tại Tòa). Bên cạnh đó, tình cảm của chị T dành cho anh L không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L.

Đối với ý kiến của anh L về quan hệ hôn nhân là không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh L cũng thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng đã không còn hạnh phúc từ cuối năm 2018, đã sống ly thân nhau, hiện vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau. Bên cạnh đó, chị T cương quyết ly hôn nhưng trong quá trong làm việc anh L không nêu ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã tống đạt giấy triệu tập và thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân anh L cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với chị T. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương xã Q và xã B, huyện T nhưng mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng anh chị như thế nào thì địa phương không nắm rõ, do chị T và anh L không gửi đơn yêu cầu hòa giải tại địa phương. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của chị T và anh L không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị T, anh L đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu ly hôn với anh L.

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung chưa thành niên là Nguyễn Hoàng Khôi N1, sinh ngày 07/11/2007, Nguyễn Hoàng Lan A, sinh ngày 23/8/2010 và Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 19/5/2012. Xét về yêu cầu của anh L và chị T thì thấy cả anh L và chị T đều thừa nhận họ không còn sống chung từ cuối năm 2018, chị T chính là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, anh L không có sự giúp đỡ cho chị T về mặt kinh tế để nuôi các cháu, cũng không có sự qua lại thăm hỏi các con. Hiện nay các cháu đều được chăm sóc tốt phát triển đầy đủ các về mặt thể chất lẫn tinh thần. Bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Mặt khác, chị T có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu nên yêu cầu của anh L là không có cơ sở, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T.

2.2.1. Yêu cầu của chị T về việc nuôi cả 03 con chung là có cơ sở chấp nhận, tạm thời chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị T, anh L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị T, anh L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T. Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cả 03 con chung chưa thành niên là Nguyễn Hoàng Khôi N1, sinh ngày 07/11/2007; Nguyễn Hoàng Lan A, sinh ngày 23/8/2010 và Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 19/5/2012 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Văn L không phải đóng góp cho chị T tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh L.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T, anh L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 001485 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai quyển số 01/1996;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Như Quỳnh